

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**NHỰA, BAO BÌ VINH**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 32

\*\*\*\*\*



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật, thay đổi mã số doanh nghiệp và vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 06 ngày 13 tháng 9 năm 2017.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Xuân Thọ	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Trương Đắc Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Phan Văn Toàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

#### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2022
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Lê Xuân Thọ**  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2024



Số: 2.0115/24/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
 CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>309.869.208.799</b>	<b>371.253.831.671</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>489.384.850</b>	<b>2.523.473.029</b>
1. Tiền	111		489.384.850	2.523.473.029
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>226.139.967.444</b>	<b>241.242.400.380</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	225.998.822.607	240.249.278.099
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	395.215.678	233.800.725
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	87.259.534	877.636.075
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(341.330.375)	(118.314.519)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>79.783.490.428</b>	<b>125.927.764.378</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	79.783.490.428	125.927.764.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.456.366.077</b>	<b>1.560.193.884</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.252.364.009	1.532.914.625
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.181.264.008	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	22.738.060	27.279.259
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>78.296.042.143</b>	<b>88.228.514.677</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>74.513.019.899</b>	<b>84.329.711.928</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	74.513.019.899	84.329.711.928
- Nguyên giá	222		294.941.034.606	288.167.095.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(220.428.014.707)	(203.837.383.962)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.783.022.244</b>	<b>3.898.802.749</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.783.022.244	3.898.802.749
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>388.165.250.942</b>	<b>459.482.346.348</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>230.358.901.014</b>	<b>309.295.748.754</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>229.315.263.109</b>	<b>305.248.306.342</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	92.639.260.465	103.697.490.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.969.786.731	828.819.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.772.860.359	4.022.841.971
4. Phải trả người lao động	314		24.066.279.349	26.117.427.801
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	366.124.227	2.832.014.050
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.029.653.048	1.569.217.319
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	104.380.284.573	165.708.583.734
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.091.014.357	471.911.171
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.043.637.905</b>	<b>4.047.442.412</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	1.043.637.905	4.035.539.468
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	11.902.944

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

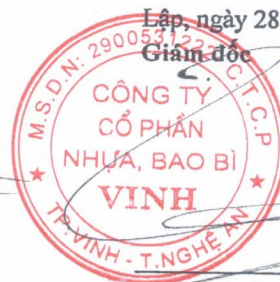
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>157.806.349.928</b>	<b>150.186.597.594</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>157.806.349.928</b>	<b>150.186.597.594</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(120.000)	(120.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		54.612.315.540	46.475.296.752
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.744.439.843	27.261.706.297
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	27.261.706.297
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		26.744.439.843	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>388.165.250.942</b>	<b>459.482.346.348</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Giám đốc



Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	874.808.591.051	995.451.464.436
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	265.078.050	934.735.140
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		874.543.513.001	994.516.729.296
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	788.087.856.143	901.902.972.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.455.656.858	92.613.756.897
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.853.102.965	4.544.145.083
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.272.320.805	13.984.261.231
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.712.391.230	11.288.076.210
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	22.492.516.597	29.101.657.865
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.989.251.169	18.524.153.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.554.671.252	35.547.829.325
11. Thu nhập khác	31	VI.8	170.208.230	83.802.682
12. Chi phí khác	32	VI.9	312.108.771	274.328.161
13. Lợi nhuận khác	40		(141.900.541)	(190.525.479)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.412.770.711	35.357.303.846
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	7.343.330.868	8.095.597.549
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.069.439.843	27.261.706.297
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.970	2.885
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.970	2.885

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Giám đốc

Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		946.674.261.812	1.033.897.023.823
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(694.364.957.521)	(898.951.411.295)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(120.962.562.375)	(116.725.227.408)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(10.813.848.117)	(11.182.527.288)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.11	(8.332.578.587)	(9.197.282.965)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.773.941.626	19.646.369.632
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30.807.523.470)	(28.208.514.797)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><u>83.166.733.368</u></u>	<u><u>(10.721.570.298)</u></u>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.953.382.485)	(20.805.236.626)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		42.275.000	443.252.436
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><u>(6.911.107.485)</u></u>	<u><u>(20.361.984.190)</u></u>

Z  
E  
E  
\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	775.466.760.550	965.775.524.573
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(840.256.443.619)	(919.114.565.896)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(78.289.611.069)</i>	<i>33.161.030.677</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.033.985.186)</b>	<b>2.077.476.189</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>2.523.473.029</b>	<b>446.301.484</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(102.993)	(304.644)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>489.384.850</b>	<b>2.523.473.029</b>

Người lập

Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2024



Lê Xuân Thọ

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 921 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.010 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

102  
IH  
Y  
TUU F  
TU V  
VOT  
P



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### **Chi phí bảo hiểm**

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	02

## 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 9. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## 10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### 13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	24.355.408	82.667.703
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	465.029.442	2.440.805.326
<b>Cộng</b>	<b><u>489.384.850</u></b>	<b><u>2.523.473.029</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	29.622.361.143	35.616.358.486
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	45.907.793.385	33.961.841.818
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Xuân Thành	21.810.321.036	25.625.776.190
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	23.969.508.660	20.015.997.480
Các khách hàng khác	104.688.838.383	125.029.304.125
<b>Cộng</b>	<b><u>225.998.822.607</u></b>	<b><u>240.249.278.099</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	-	177.874.725
Perfect Belts Private Limited	221.332.058	-
Các nhà cung cấp khác	173.883.620	55.926.000
<b>Cộng</b>	<b><u>395.215.678</u></b>	<b><u>233.800.725</u></b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	84.984.358	-	76.396.002	-
Quỹ phúc lợi chi vượt nguồn	-	-	756.588.073	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.275.176	-	44.652.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>87.259.534</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>877.636.075</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	-	-	118.314.519	(118.314.519)
Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Thừa Thiên Huế	1.137.767.916	(341.330.375)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.137.767.916</u></b>	<b><u>(341.330.375)</u></b>	<b><u>118.314.519</u></b>	<b><u>(118.314.519)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	118.314.519	82.820.163
Trích lập dự phòng bổ sung	341.330.375	35.494.356
Hoàn nhập dự phòng	(118.314.519)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>341.330.375</u></b>	<b><u>118.314.519</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	174.900.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	36.816.243.326	-	55.548.882.609	-
Công cụ, dụng cụ	3.664.413.575	-	5.995.052.617	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.940.280.013	-	51.336.515.854	-
Thành phẩm	12.243.624.983	-	12.872.413.298	-
Hàng gửi đi bán	1.118.928.531	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>79.783.490.428</b>	<b>-</b>	<b>125.927.764.378</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	787.046.605	982.782.185
Chi phí bảo hiểm	208.414.876	208.769.357
Chi phí sửa chữa	233.430.304	295.529.750
Các chi phí khác	23.472.224	45.833.333
<b>Cộng</b>	<b>1.252.364.009</b>	<b>1.532.914.625</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.001.808.775	937.790.465
Chi phí sửa chữa	392.294.059	445.131.357
Chi phí thuê đất (*)	2.373.336.077	2.483.297.594
Các chi phí khác	15.583.333	32.583.333
<b>Cộng</b>	<b>3.783.022.244</b>	<b>3.898.802.749</b>

(\*) Là tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 01/04/2011 đến ngày 01/08/2045, được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi.

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	57.116.099.514	216.825.207.962	13.398.741.271	776.757.143	50.290.000	288.167.095.890
Mua trong năm	-	4.835.764.063	837.383.222	-	-	5.673.147.285
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.100.791.431	-	-	-	-	1.100.791.431
Phân loại lại	-	(605.302.273)	352.727.273	252.575.000	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>58.216.890.945</b>	<b>221.055.669.752</b>	<b>14.588.851.766</b>	<b>1.029.332.143</b>	<b>50.290.000</b>	<b>294.941.034.606</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	28.316.028.795	98.853.915.847	5.269.948.454	1.029.332.143	50.290.000	133.519.515.239
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	43.439.458.099	146.455.869.952	13.115.008.768	776.757.143	50.290.000	203.837.383.962
Khấu hao trong năm	2.638.880.962	13.597.598.599	354.151.184	-	-	16.590.630.745
Phân loại lại	-	(522.019.443)	269.444.443	252.575.000	-	-
Số cuối năm	<u>46.078.339.061</u>	<u>159.531.449.108</u>	<u>13.738.604.395</u>	<u>1.029.332.143</u>	<u>50.290.000</u>	<u>220.428.014.707</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	13.676.641.415	70.369.338.010	283.732.503	-	-	84.329.711.928
Số cuối năm	<u>12.138.551.884</u>	<u>61.524.220.644</u>	<u>766.964.541</u>	-	-	<u>74.513.019.899</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 42.603.806.090 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>902.192.364</u>	<u>494.334.000</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	109.350.000	406.884.000
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	792.842.364	87.450.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>91.737.068.101</u>	<u>103.203.156.949</u>
Công ty TNHH Thành Dũng	6.000.917.976	11.379.303.496
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	18.854.971.668	19.106.942.420
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	15.142.900.000	27.306.000.000
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	15.741.000.000	8.316.000.000
Công ty TNHH Minh Hoàng	9.265.176.087	9.053.989.981
Các nhà cung cấp khác	26.732.102.370	28.040.921.052
<b>Cộng</b>	<u>92.639.260.465</u>	<u>103.697.490.949</u>

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mitr Lao Sugar Co., Ltd	702.455.760	-
Vienovo Philippines Inc	468.200.000	465.800.000
T.Yingseng Co.,Ltd	-	281.280.000
Các khách hàng khác	1.501.586.731	81.739.347
<b>Cộng</b>	<u>1.969.786.731</u>	<u>828.819.347</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	510.016.363	-	2.555.078.104	(3.065.094.467)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	4.271.938.488	(4.271.938.488)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	41.379.481	(41.379.481)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.329.270.291	-	7.343.330.868	(8.332.578.587)	2.340.022.572	-
Thuế thu nhập cá nhân	183.555.317	-	373.772.524	(124.490.054)	432.837.787	-
Thuế nhà đất	-	27.279.259	29.082.398	(14.541.199)	-	12.738.060
Tiền thuê đất	-	-	505.170.230	(515.170.230)	-	10.000.000
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.022.841.971</b>	<b>27.279.259</b>	<b>15.123.752.093</b>	<b>(16.369.192.506)</b>	<b>2.772.860.359</b>	<b>22.738.060</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.412.770.711	35.357.303.846
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	517.082.368	645.128.181
- Các khoản điều chỉnh giảm	(182.781.739)	(38.422.091)
Thu nhập chịu thuế	35.747.071.340	35.964.009.936
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>7.149.414.268</b>	<b>7.192.801.987</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>193.916.600</b>	<b>902.795.562</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.343.330.868</b>	<b>8.095.597.549</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế. Trong đó:

- Tiền thuê đất nhà máy 1 tại Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích 11.794,5 m<sup>2</sup> là 505.170.000 VND/năm;
- Tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là 109.961.517 VND/năm được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi ra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phép, lương năng suất phải trả	-	2.598.459.994
Chi phí lãi vay phải trả	87.097.169	188.554.056
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	279.027.058	45.000.000
<b>Cộng</b>	<b>366.124.227</b>	<b>2.832.014.050</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>70.615.800</i>	<i>104.956.560</i>
Phụ cấp HĐQT, BKS	70.615.800	104.956.560
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>959.037.248</i>	<i>1.464.260.759</i>
Kinh phí công đoàn	930.353.879	1.271.870.759
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	28.683.369	192.390.000
<b>Cộng</b>	<b>1.029.653.048</b>	<b>1.569.217.319</b>

**14. Vay****14a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>93.796.884.573</i>	<i>140.653.914.370</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An <sup>(i)</sup>	35.676.790.227	72.114.405.666
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An <sup>(ii)</sup>	34.747.046.231	45.736.340.504
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh <sup>(iii)</sup>	23.373.048.115	22.803.168.200
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(iv)</sup></i>	<i>9.192.000.000</i>	<i>14.192.000.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V14b)</i>	<i>1.391.400.000</i>	<i>10.862.669.364</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	1.182.400.000	1.182.400.000
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An	-	2.128.019.364
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh	209.000.000	7.552.250.000
<b>Cộng</b>	<b>104.380.284.573</b>	<b>165.708.583.734</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo các Hợp đồng số 176/TD23-NAN ngày 02/10/2023 và 177/TD21-NAN ngày 02/10/2023 với hạn mức vay lần lượt là 4.000.0000 USD và 140.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay từng lần tối đa không quá 4 tháng, lãi suất vay quy định trên từng Giấy nhận nợ (lãi suất năm 2023 là từ 5% - 6%). Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng số 135234.23.810.3670001.TD ngày 17/05/2023 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì. Thời hạn vay từng lần tối đa không quá 6 tháng, lãi suất thả nổi được quy định theo từng văn bản nhận nợ (lãi suất năm 2023 là từ 5% - 6,25%). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định là máy móc thiết bị; toàn bộ các khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển tại 3 nhà máy.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh theo Hợp đồng hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT442-VBC ngày 24/10/2023 với hạn mức tín dụng là 65.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay từng lần tối đa không vượt quá 5 tháng, lãi suất vay thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5%/năm (lãi suất năm 2023 là 6,5%). Khoản vay được bảo đảm bằng một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty.
- (iv) Vay tín chấp các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 9,38%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	140.653.914.370	14.192.000.000	10.862.669.364	165.708.583.734
Số tiền vay phát sinh trong năm	765.266.760.550	10.200.000.000	-	775.466.760.550
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	1.391.400.000	1.391.400.000
CLTG do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	469.482.345	-	-	469.482.345
Số tiền vay đã trả trong năm	(812.593.272.692)	(15.200.000.000)	(10.862.669.364)	(838.655.942.056)
Số cuối năm	<u>93.796.884.573</u>	<u>9.192.000.000</u>	<u>1.391.400.000</u>	<u>104.380.284.573</u>

### 14b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An <sup>(i)</sup>	886.800.000	2.069.200.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	-	1.600.501.563
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh <sup>(iii)</sup>	156.837.905	365.837.905
<b>Cộng</b>	<u>1.043.637.905</u>	<u>4.035.539.468</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng số 296/DTDA17/NAN.KHDN ngày 27/05/2019 để đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay thả nổi (lãi suất năm 2023 là 7,6%). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng vay số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT442-VBC ngày 07/07/2021 để đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay thả nổi (lãi suất năm 2023 là 9,6%). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.391.400.000	10.862.669.364
Trên 1 năm đến 5 năm	1.043.637.905	4.035.539.468
<b>Cộng</b>	<b>2.435.037.905</b>	<b>14.898.208.832</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.035.539.468	6.980.120.927
Số tiền vay phát sinh	-	17.899.552.944
Số tiền vay đã trả	(1.600.501.563)	(8.744.898.799)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.391.400.000)	(10.862.669.364)
CLTG phát sinh trong năm	-	(1.236.566.240)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.043.637.905</b>	<b>4.035.539.468</b>

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	471.911.171	1.688.085.314	(270.450.000)	1.889.546.485
Quỹ phúc lợi	(756.588.073)	5.089.255.945	(4.131.200.000)	201.467.872
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	172.418.250	(172.418.250)	-
<b>Cộng</b>	<b>(284.676.902)</b>	<b>6.949.759.509</b>	<b>(4.574.068.250)</b>	<b>2.091.014.357</b>

Quỹ phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (Xem thuyết minh số V.4).

**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	37.654.468.404	28.112.069.423	142.216.132.372
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	27.261.706.297	27.261.706.297
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.820.828.348	(8.820.828.348)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.622.305.885)	(5.622.305.885)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(169.007.190)	(169.007.190)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>74.999.720.000</b>	<b>1.449.994.545</b>	<b>(120.000)</b>	<b>46.475.296.752</b>	<b>27.261.706.297</b>	<b>150.186.597.594</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	46.475.296.752	27.261.706.297	150.186.597.594
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	28.069.439.843	28.069.439.843
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.137.018.788	(8.137.018.788)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.777.341.259)	(6.777.341.259)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(172.418.250)	(172.418.250)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>74.999.720.000</b>	<b>1.449.994.545</b>	<b>(120.000)</b>	<b>54.612.315.540</b>	<b>26.744.439.843</b>	<b>157.806.349.928</b>

**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	38.219.320.000	38.219.320.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	26.133.190.000	26.133.190.000
Các cổ đông khác	10.647.090.000	10.647.090.000
<b>Cộng</b>	<b>74.999.600.000</b>	<b>74.999.600.000</b>

**16c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	7.499.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(12)	(12)
- Cổ phiếu phổ thông	(12)	(12)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**16d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 161/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (18%/vốn điều lệ)	: 13.499.928.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 8.137.018.788
• Trích quỹ khen thưởng	: 1.363.085.314
• Trích quỹ phúc lợi	: 4.089.255.945
• Trích thưởng ban quản lý điều hành	: 172.418.250

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi năm 2023 với số tiền lần lượt là 325.000.000 và 1.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 243/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2023.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****17a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 1.784,23 USD (số đầu năm là 14.603,19 USD).

**17b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	232.470.000	232.470.000
<b>Cộng</b>	<b><u>491.467.370</u></b>	<b><u>491.467.370</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	13.401.239.836	36.853.363.126
Doanh thu bán thành phẩm	860.519.825.215	958.598.101.310
Doanh thu khác	887.526.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>874.808.591.051</u></b>	<b><u>995.451.464.436</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty An Tiến Industries</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	196.000.000	451.520.000
<b>Công ty Nhựa Bao bì An Vinh</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	-	2.220.318.200

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản hàng bán bị trả lại.

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.759.466.257	34.939.291.137
Giá vốn của thành phẩm đã bán	776.328.389.886	866.963.681.262
<b>Cộng</b>	<b><u>788.087.856.143</u></b>	<b><u>901.902.972.399</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay ký quỹ mở L/C	42.275.000	142.099.998
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.727.820	149.252.437
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.806.100.145	4.252.792.648
<b>Cộng</b>	<b><u>2.853.102.965</u></b>	<b><u>4.544.145.083</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.712.391.230	11.288.076.210
Phí mở L/C	-	98.634.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.506.214.091	2.114.827.927
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.324.239	92.723.970
Chi phí khác	42.391.245	389.998.280
<b>Cộng</b>	<b><u>12.272.320.805</u></b>	<b><u>13.984.261.231</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.254.141.975	1.416.162.342
Chi phí vật liệu, bao bì	3.318.983.239	3.624.488.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.095.972	338.827.750
Chi phí vận chuyển	13.708.767.649	20.762.040.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.487.351.976	1.550.316.198
Các chi phí khác	1.530.175.786	1.409.821.790
<b>Cộng</b>	<b><u>22.492.516.597</u></b>	<b><u>29.101.657.865</u></b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.322.261.023	8.969.844.952
Chi phí vật liệu quản lý	640.595.820	702.074.659
Chi phí đồ dùng văn phòng	323.921.694	343.703.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.541.706	242.719.992
Thuế, phí và lệ phí	27.899.454	7.961.581
Dự phòng phải thu khó đòi	223.015.856	35.494.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.191.054.805	874.450.181
Các chi phí khác	7.185.960.811	7.347.903.841
<b>Cộng</b>	<b><u>18.989.251.169</u></b>	<b><u>18.524.153.559</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	78.000.000
Lãi bán phế liệu	163.402.298	-
Thu nhập khác	6.805.932	5.802.682
<b>Cộng</b>	<b><u>170.208.230</u></b>	<b><u>83.802.682</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vò bao hàng rách vỡ	123.741.455	165.883.310
Thuế bị phạt, bị truy thu	180.286.303	108.436.580
Chi phí khác	8.081.013	8.271
<b>Cộng</b>	<b><u>312.108.771</u></b>	<b><u>274.328.161</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.069.439.843	27.261.706.297
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành (*)	<u>(5.791.414.776)</u>	<u>(5.624.759.509)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	22.278.025.067	21.636.946.788
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	<u>7.499.960</u>	<u>7.499.960</u>
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.970</u>	<u>2.885</u>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm nay được tạm tính căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 161/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 4 năm 2023.

#### 10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm năm trước giảm từ 2.886 VND xuống 2.885 VND.

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	579.292.150.852	707.977.185.514
Chi phí nhân công	139.058.542.081	134.913.900.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.590.630.745	17.548.945.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.671.764.748	52.724.939.748
Chi phí khác	<u>9.290.973.601</u>	<u>11.143.664.386</u>
Cộng	<u>792.904.062.027</u>	<u>924.308.635.834</u>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.13.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>					
<b>Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>					
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch (từ 18/4/2023) /Phó Giám đốc (đến 18/4/2023)	393.550.385	-	24.058.360	417 608 745
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch (đến 18/4/2023)	-	24 960 000	28.303.954	53 263 954
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	374.400.000	56 160 000	32.549.548	463 109 548
Ông Trương Đắc Thành	Thành viên (từ 18/4/2023) /Phó Giám đốc	328.440.000	37 440 000	4.009.727	369 889 727
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên (đến 18/4/2023) /Kế toán trưởng	292.404.000	18 720 000	24.058.360	335 182 360
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	-	56 160 000	19.812.767	75 972 767
Bà Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	-	56 160 000	19.812.767	75 972 767
<b>Ban kiểm soát</b>					
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	299.266.154	-	19.812.767	319 078 921
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên (từ 18/4/2023)	-	29 736 000	-	29 736 000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên (đến 18/4/2023)	-	14 868 000	-	14 868 000
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	44 604 000	-	44 604 000
<b>Cộng</b>		<b>1.688.060.539</b>	<b>338.808.000</b>	<b>172.418.250</b>	<b>2 199 286 789</b>

**Năm trước****Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch	-	76.377.600	-	76.377.600
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	374.400.000	57.283.200	-	431.683.200
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên /Kế toán trưởng	297.360.000	57.283.200	-	354.643.200
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	-	57.283.200	-	57.283.200
Ông Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	-	57.283.200	-	57.283.200
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Giám đốc	328.440.000	-	-	328.440.000
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	54.740.000	-	-	54.740.000
<b>Ban kiểm soát</b>					
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	297.360.000	-	-	297.360.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	-	45.496.080	-	45.496.080
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	45.496.080	-	45.496.080
<b>Cộng</b>		<b>1.352.300.000</b>	<b>396.502.560</b>	<b>-</b>	<b>1.748.802.560</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Tiến Industry	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol Pte Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn
An Thanh Bicsol Singapore Pte., Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Bên liên quan khác**

Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh

**Mối quan hệ**

Công ty con của Cổ đông lớn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn</i>		
Mua hàng hóa	247.182.224	858.247.228
<i>Công ty Cổ phần An Thành Bicsol</i>		
Mua hàng hóa	2.174.150.000	7.861.149.454
<i>An Thành Bicsol Singapore Pte., Ltd</i>		
Mua hàng hóa	-	20.037.804.706
<i>Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh</i>		
Mua nguyên vật liệu	4.299.563.653	79.500.000

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.9.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**2a. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	675.619.056.987	198.924.456.014	874.543.513.001
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>675.619.056.987</b>	<b>198.924.456.014</b>	<b>874.543.513.001</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	50.430.411.790	13.532.728.471	63.963.140.261
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			<u>(18.989.251.169)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			44.973.889.092
Doanh thu hoạt động tài chính			2.853.102.965
Chi phí tài chính			(12.272.320.805)
Thu nhập khác			170.208.230
Chi phí khác			(312.108.771)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.343.330.868)

10/15  
H NH  
CÔNG  
NHIỆN  
DÂN V  
A &  
VI HÀ  
DA -

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<u>28.069.439.843</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	-	-	<u>7.718.869.339</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>13.636.351.735</u>	<u>4.014.990.138</u>	<u>17.651.341.873</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	776.024.935.952	218.491.793.344	994.516.729.296
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>776.024.935.952</u>	<u>218.491.793.344</u>	<u>994.516.729.296</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>42.592.468.317</u>	<u>20.919.630.715</u>	63.512.099.032
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			<u>(18.524.153.559)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			44.987.945.473
Doanh thu hoạt động tài chính			4.544.145.083
Chi phí tài chính			(13.984.261.231)
Thu nhập khác			83.802.682
Chi phí khác			(274.328.161)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.095.597.549)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<u>27.261.706.297</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	-	-	<u>21.721.286.631</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>14.474.087.169</u>	<u>4.075.216.035</u>	<u>18.549.303.204</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-

702 - C  
 TH  
 Y  
 HỮU HẠP  
 TỰ VẤN  
 HỘI  
 P. H. A. T.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>209.383.269.126</u>	<u>17.010.769.159</u>	<u>226.394.038.285</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>161.771.212.657</u>
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>388.165.250.942</u></b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<u>92.653.798.225</u>	<u>1.955.248.971</u>	<u>94.609.047.196</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>135.749.853.818</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>230.358.901.014</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>221.658.592.029</u>	<u>18.590.686.070</u>	<u>240.249.278.099</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>219.233.068.249</u>
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>459.482.346.348</u></b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<u>14.150.400</u>	<u>814.668.947</u>	<u>828.819.347</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>308.466.929.407</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>309.295.748.754</u></b>

**2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là bao bì và vật tư bao bì.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

**Trần Thị Quế Lâm**

Kế toán trưởng

**Phan Văn Toàn****Lê Xuân Thọ**